

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày 28 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Hương
2. Ông Lê Quang Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Luyến – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hứa Như Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 110/2023/TLST- DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – DS, ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Văn Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn ông Tô Văn Th có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trương Văn N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Tô Văn Th trình bày:

Do là bạn bè quen biết nên vào ngày 16/12/2022 ông có cho ông Trương Văn N trú tại Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vay của ông số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Khi vay hai bên có lập Giấy vay tiền viết tay, có người làm chứng là anh Trảng Quốc Cường là người cùng Thôn X, xã L, huyện H chứng kiến. Hai bên thỏa thuận đến ngày 24/12/2022 anh N phải trả cho ông toàn bộ số tiền trên. Sau khi thỏa thuận và viết Giấy vay tiền ông đã chuyển

cho ông N số tiền 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) vào tài khoản của ông Trương Văn N. Do là bạn bè quen biết và ông N nói là vay nóng, sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho ông trong thời gian ngắn nên ông không yêu cầu tính lãi mà chỉ cho ông N vay tiền với mục đích bạn bè hỗ trợ nhau lúc khó khăn. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền ông Trương Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận. Ông đã nhiều lần đến nhà và liên lạc qua điện thoại yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N cố tình trốn tránh, không trả nợ cho ông. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc là 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) cùng số tiền lãi phát sinh từ ngày ông N vay tiền sau đó vì phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày khởi kiện (02/10/2023) với mức lãi suất 0,83%/tháng là 09 tháng 16 ngày: $58.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 4.589.000đ$. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi ông yêu cầu ông Trương Văn N phải trả là $58.000.000đ + 4.589.000đ = 62.589.000đ$ (*Sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Trong nội dung Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 05/3/2024, nguyên đơn ông Tô Văn Th trình bày: Ngày 16/12/2022 ông cho ông Trương Văn N vay số tiền 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) không tính lãi, ông N hẹn đến ngày 24/12/2022 sẽ trả cho ông toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, khi đến hạn ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên ông đã đến nhà đòi nhiều lần. Đến tháng 4/2023 ông Trương Văn N đã trả cho ông số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), còn nợ lại 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*). Ông đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nốt cho ông số tiền nợ còn lại nhưng ông N không trả. Ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xác định hiện tại ông N còn nợ ông số tiền nợ gốc là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) và yêu cầu ông N phải trả cho ông khoản tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), ông yêu cầu tính mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 01/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông yêu cầu ông Trương Văn N phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định mà ông đã tạm nộp để thực hiện giám định chữ ký, chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 16/12/2022.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương kết quả thể hiện: Ông Trương Văn N hiện cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông N không có nghề nghiệp ổn định, làm nghề tự do, ông N đi làm ăn xa thường xuyên, thỉnh thoảng lại về nhà một vài ngày, sau đó lại đi nhưng không làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng nên ông N làm gì, ở địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Quá trình giải quyết vụ án, địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã đến nhà ông N để giao giấy tờ nhưng do ông N không có ở nhà nên đã giao lại cho người thân của ông N để báo cho ông N biết việc ông Tô Văn Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của người làm chứng Tráng Quốc Cường để làm rõ về việc vay nợ giữa ông Tô Văn Th và ông Trương Văn N do anh Cường thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không có mặt tại địa phương. Nguyên đơn ông Tô Văn Th đã có đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với “*Giấy vay tiền*” ngày 16/12/2022. Tại Kết

luyện số 165/KL – KTHS, ngày 16/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ viết phần nội dung, chữ viết ghi tên “Trương Văn N” dưới mục “Người vay tiền” trên mẫu giám định ký hiệu M0 (trừ chữ viết người làm chứng, chữ ký, chữ viết ghi tên Trắng Quốc Cường) với chữ viết, chữ ký (dạng chữ viết) “Năng”, ghi tên Trương Văn N trên mẫu giám định ký hiệu M1 (trừ chữ viết tại mục “18. Dấu vết riêng và dị hình”) là do cùng một người viết.

- Chữ ký ghi tên Trương Văn N dưới mục “người vay tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu M0 với chữ ký “Năng” dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên mẫu giám định ký hiệu M1 không cùng dạng nên không tiến hành giám định, so sánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Tô Văn Th thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trương Văn N không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã có đủ cơ sở để xác định ngày 16/12/2022 ông Tô Văn Th có cho ông Trương Văn N vay số tiền 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*), hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 24/12/2022 và không tính lãi. Đến thời hạn trả nợ ông Trương Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, đến tháng 4/2023 ông N mới trả cho ông Th số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), còn nợ lại 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*). Do ông Trương Văn N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận nên việc ông Tô Văn Th khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn N trả số tiền nợ gốc còn lại (18.000.000đ) và tiền lãi tính từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc còn lại (tháng 5/2023) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Tô Văn Th số tiền nợ gốc còn lại là 18.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.628.000 (làm tròn số). Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Trương Văn N phải trả cho ông Tô Văn Th là 19.628.000đ (*Mười chín triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

- Về chi phí tố tụng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Trương Văn N phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định là 4.360.000đ (*Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Về án phí: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Trương Văn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải trả theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Nguyên đơn ông Tô Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn N thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 16/12/2022 và tiền lãi phát sinh theo quy định của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Văn N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong nội dung Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định lại nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu (khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc ít hơn số tiền yêu cầu trong Đơn khởi kiện và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền), không làm thay đổi quan hệ tranh chấp của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương cho thấy bị đơn ông Trương Văn N có hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã L, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn ông Tô Văn Th đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn. Bị đơn ông Trương Văn N đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng vẫn về nhà và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên địa phương không rõ ông N hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù ông N đã biết được việc ông Tô Văn Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với mình, nhưng ông N không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ ông N đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt

không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che dấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Tô Văn Th có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn và xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, Bộ luật Tố tụng dân sự (không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được thông báo hợp lệ; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

* *Về căn cứ xác lập nghĩa vụ trả tiền:* Nguyên đơn ông Tô Văn Th khởi kiện yêu cầu ông Tô Văn Th trả số tiền nợ gốc còn lại theo Giấy vay tiền đề ngày 16/12/2022 là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn N không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận số 165/KL – KTHS, ngày 16/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang thể hiện chữ viết phần nội dung, chữ viết ghi tên “Trương Văn N” dưới mục “Người vay tiền” trong Giấy vay tiền ngày 16/12/2022 là của ông Trương Văn N. Kết luận luận giám định trên phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Trương Văn N. Do đó, căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 93, các khoản 3, 5 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa ông Tô Văn Th và ông Trương Văn N là có thật và hợp pháp. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Văn N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn lại là 18.000.000đ cho ông Tô Văn Th.

* *Về lãi suất:*

Trong Giấy vay tiền ngày 16/12/2022, các bên thỏa thuận ông Trương Văn N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Tô Văn Th vào ngày 24/12/2022 nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Đến thời hạn ông N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, đến tháng 4/2023 ông N mới trả cho ông Th số tiền 40.000.000đ, còn nợ lại 18.000.000đ. Do đó việc ông Tô Văn Th khởi kiện yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày kế tiếp kể từ ngày bị đơn thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/5/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi và mức lãi suất. Do bị đơn vi phạm về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu tiền lãi

tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/5/2023 đến ngày 28/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10 tháng 27 ngày.

Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: $18.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 10$ tháng 27 ngày = 1.628.000 (làm tròn số).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Trương Văn N phải trả cho ông Tô Văn Th là: $18.000.000đ + 1.628.000đ = 19.628.000đ$ (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[4] Về chi phí tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn ông Trương Văn N không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn ông Tô Văn Th có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu chữ ký, chữ viết của ông N trong giấy vay tiền ngày 16/12/2022 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Kết quả giám định xác định ông N là người viết và ký tên trong tài liệu giám định, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Văn N phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định với số tiền 4.360.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Văn Th đã nộp tạm ứng để chi trả tiền chi phí tố tụng nên ông Trương Văn N phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Tô Văn Th số tiền 4.360.000đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí:

Do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn ông Tô Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể: $19.628.000đ \times 5\% = 981.400đ$ (Chín trăm tám mươi một nghìn bốn trăm đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 161, 179, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn Th: Buộc ông Trương Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Tô Văn Th số tiền nợ gốc 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và tiền lãi là 1.628.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Trương Văn N phải trả cho ông Tô Văn Th là 19.628.000đ (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Khoản tiền phải trả kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông Tô Văn Th cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án ông Trương Văn N chậm thực

hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Trương Văn N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Tô Văn Th số tiền chi phí giám định là 4.360.000đ (*Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí:

- Nguyên đơn ông Tô Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.564.000đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001428, ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn Trương Văn N phải chịu 981.400đ (*Chín trăm tám mươi một nghìn bốn trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Tô Văn Th và bị đơn ông Trương Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San